

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 15/2020/HNGĐ- ST

Ngày 06/5/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Bà Trần Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 603/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX- ST ngày 24 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Chu Bích N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Năm 2011 được sự đồng ý của hai gia đình, anh và chị Chu Bích N kết hôn. Trước khi kết hôn anh và chị N có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Sau đám cưới chị N về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và đã có một con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2014, anh và chị N thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Việc mâu thuẫn giữa anh và chị N đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh chị N vẫn không tiếng nói chung. Anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ tháng 1/2019. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không

còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012 đang ở với chị N. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Chu Bích N vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị N không đến trụ sở Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh và chị N kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Do mâu thuẫn vợ chồng, nên tháng 1/2019 anh và chị N đã sống ly thân, hai người không còn quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần để anh và chị N về đoàn tụ, nhưng không đem lại kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012. Khi ly thân, chị N đã đưa con về nhà ông bà ngoại ở. Anh và chị N đã nhiều lần thỏa thuận việc ly hôn và nuôi con chung, nhưng không thành, chị N có nguyện vọng nuôi con chung. Để ổn định cuộc sống và ổn định việc học của cháu A, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con A.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị N sẽ thỏa thuận và anh tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng cho chị N.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N vắng mặt tại các buổi làm việc và không tham gia phiên tòa là không chấp hành các quyết định của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Nguyễn Thanh T ly hôn với chị Chu Bích N. Về con chung: Giao cho chị Chu Bích N được trực tiếp nuôi con Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Chu Bích N không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, nơi chị N cư trú và được địa phương cung cấp: Chị N vẫn đăng ký hộ khẩu tại UBND xã B, chưa cắt khẩu, không đăng ký tạm vắng, tạm trú; thỉnh thoảng thứ 7, chủ nhật chị N vẫn về đại phương, sau đó đi ngay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã B để thông báo cho chị N biết. Tuy nhiên chị N không đến Tòa án làm việc. Ngày 13/3/2020 Tòa án mở phiên tòa lần 1, chị N vắng mặt, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị N tiếp tục vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo qui định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T kết hôn với chị Chu Bích N trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L ngày 04/11/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung là Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012.

Nguyên nhân do vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, hai người thường xuyên cãi nhau, đến tháng 1/2019 thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, anh T và chị N đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế, anh T và chị N đã được hai bên gia khuyến giải đã lâu nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, vận động anh T và chị N về đoàn tụ, nhưng chị N vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục vận động anh T về sống đoàn tụ với chị N, nhưng anh T xác định đã hết tình cảm với chị N và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị N.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T, chị Chu Bích N có một con chung là Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012. Hiện cháu A do chị N đang nuôi. Anh T đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con. Để tránh xáo trộn về cuộc sống, cũng là nguyện vọng của cháu Nguyễn A nên giao cháu Nguyễn A cho chị N tiếp tục nuôi là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh T ly hôn với chị Chu Bích N.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Bích N trực tiếp nuôi con là Nguyễn A, sinh ngày 26/5/2012. Anh Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004413 ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Thế Vinh